

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Minh và bà Lê Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2018 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2018/TLST-DS ngày 20/8/2018 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2018/QĐXX-ST ngày 13/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2018/QĐHPT-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân H – sinh năm 1984

Trú tại: Xóm 17, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện ở: Tổ 4, khu 7, phường Hà Tu, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đào Bá Y – sinh năm 1966; Có mặt tại phiên tòa.

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1963

Trú tại: Tổ 7, khu 4, phường H, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2007 do có nhu cầu mua đất để xây nhà ở, anh H được mọi người giới thiệu và được biết chị Nguyễn Thị T- trú tại: Tổ 7, khu 4, phường H, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh có đất bán. Anh H đến đặt vấn đề mua đất với chị T và chị T đã đồng ý bán cho anh H một lô đất (Chị T nói với anh H là chị mua của anh Nguyễn Quang C trú tại tổ 19, khu 2, phường H, TP.Hạ Long, do Công ty than Núi Béo bồi thường di chuyển cấp cho anh C). Vì tin tưởng chị T nên anh H đã mua lô đất trên của chị T với giá 118.000.000đồng, anh H đã giao đủ số tiền trên cho chị T, đồng thời hai bên đã viết giấy biên nhận. Tuy nhiên sau nhiều năm anh H vẫn không nhận được đất. Đến hỏi chị T thì chị T nói: “...*Thuận mua vừa bán, tôi mua của người ta thế nào thì tôi*

bán thế...". Anh H đã yêu cầu chị T trả lại tiền nhưng chị T không trả. Nay anh H đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả lại anh H số tiền 118.000.000đ mà chị T đã nhận của anh H.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc chị T phải trả lại cho anh H số tiền là 118.000.000đồng.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị T (là bị đơn trong vụ án) để chị T đến Tòa án làm việc và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, nhưng chị T không nhận bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án, Tòa án đã tiến hành lập các biên bản về việc từ chối nhận văn bản tố tụng của chị T. Chị T biết việc Tòa án đang tiến hành giải quyết vụ án và biết mình đang với tư cách là bị đơn trong vụ án nhưng chị T không đến Tòa án làm việc, không hợp tác làm việc, không có bản tự khai nên không có quan điểm giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt nên không có lời khai.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long** tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng; Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa anh Phạm Xuân H và chị Nguyễn Thị T là "Tranh chấp về kiện đòi tài sản" Tộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại Điều a khoản 2 Điều 35 và Điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 28/11/2018, bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do. Xét thấy bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Tại Giấy chuyển nhượng đất ngày 26/12/2007 giữa chị Nguyễn Thị T với anh Phạm Xuân H thể hiện: Hiện nay chị T có 01 xuất đất tái định cư mua của anh Nguyễn Quang C (tổ 19, khu 2, phường H) do Công ty cổ phần than Núi Béo bồi thường di chuyển cấp, anh C đã chuyển nhượng cho chị, nay chị chuyển nhượng lại cho anh H.

Tại Giấy chuyển nhượng đất tái định cư ngày 18/12/2007 giữa anh Nguyễn Quang C và chị Nguyễn Thị T thể hiện: Tôi (C) có một xuất tái định cư do Công ty than Núi Béo bồi thường di chuyển cấp. Nay vì điều kiện gia đình tôi viết giấy chuyển nhượng lại cho chị T với số tiền là 20.000.000đồng. Trong giấy chuyển nhượng này có chữ ký của bà Phạm Thị Hìn (mẹ đẻ anh C) và ông Phạm Văn H (Tổ trưởng tổ 19, khu 2, phường H).

Tòa án đã làm việc với ông Phạm Văn H (Tổ trưởng tổ 19, khu 2, phường H) và xác minh tại UBND phường H, nơi anh Nguyễn Quang C cư trú thì được biết: Anh C đã mất ngày 25/01/2010, bà Phạm Thị H (mẹ đẻ anh Ch) đã mất ngày 23/10/2011. Anh C đã ly hôn vợ và có hai con là: chị Nguyễn Thị Hư (hiện đã đi lấy chồng ở xa không rõ địa chỉ) và anh Nguyễn Quang H (hiện vẫn cư trú tại tổ 19, khu 2, phường H) nhưng anh H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú vào ban ngày, nên Toà án không lấy được lời khai.

Ngoài ra ông Phạm Văn H còn trình bày: Ngày 18/12/2007 ông có ký xác nhận vào Giấy chuyển nhượng đất tái định cư giữa anh Nguyễn Quang C với chị Nguyễn Thị T, khi đó anh C và chị T đã viết sẵn Giấy chuyển nhượng đất từ trước mang đến cho ông ký. Khi ký ông không biết anh C có đất tái định cư để chuyển nhượng hay không.

Tại Đơn đề nghị của bà Phạm Thị H ngày 02/6/2004 thể hiện khi Công ty cổ phần than Núi Béo lấy đất của anh Nguyễn Quang C để phục vụ sản xuất, do anh C đang đi tù nên bà Hìn xin nhận tiền bồi thường thay cho anh C, trong đơn thể hiện vào thời điểm năm 2004 hai con anh C còn nhỏ (lớn 11 tuổi, nhỏ 10 tuổi).

Biên bản xác minh tại UBND phường H, thành phố Hạ Long thể hiện: Năm 2004 Công ty Cổ phần than Núi Béo có lập phương án bồi thường hỗ trợ nhà ở cho ông Nguyễn Quang C, tại thời điểm bồi thường ông C chưa được xét cấp tái định cư. Đến thời điểm hiện nay ông C vẫn chưa có danh sách xét cấp tái định cư do phòng tài nguyên môi trường thành phố Hạ Long lập.

Biên bản xác minh tại Công ty Cổ phần than Núi Béo thể hiện: Tháng 11/2004 Công ty than Núi Béo đã bồi thường cho hộ gia đình anh Nguyễn Quang C theo phương án bồi thường đổ thải phục vụ sản xuất khai trường via 14. Trong phương án bồi thường không xác định hộ anh C có được cấp đất tái định cư hay không.

Biên bản xác minh tại phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hạ Long thể hiện: Từ năm 2004 đến nay hộ gia đình anh Nguyễn Quang C chưa được xét cấp đất tái định cư.

Tại Biên bản họp thẩm định phương án xét tái định cư cho các hộ dân phường Hà Trung Tộc diện bồi thường GPMB để khai thác than của Công ty cổ phần than Núi Béo do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do UBND thành phố Hạ Long lập ngày 19/11/2013 thể hiện hộ anh C không đủ điều kiện cấp đất tái định cư.

Từ những chứng cứ trên, xác định anh Nguyễn Quang C không có đất tái định cư do Công ty Cổ phần than Núi Béo bồi thường để chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T. Việc anh C và bà T viết Giấy chuyển nhượng đất tái định cư vào ngày 18/12/2007 là chỉ thể hiện trên giấy tờ, còn thực chất không có đất để chuyển nhượng.

Từ đó xác định bà Nguyễn Thị T cũng không có đất tái định cư (mua lại của anh C) để chuyển nhượng cho anh H. Việc anh H và bà T ký giấy chuyển nhượng đất tái định cư ngày 26/12/2007 cũng là chỉ thể hiện trên giấy tờ, còn đối tượng giao dịch thực sự (đất tái định cư) thì không có. Bản thân anh H sau khi ký giấy chuyển nhượng

với bà T cũng chưa bao giờ nhìn thấy lô đất này và bà T cũng chưa bao giờ bàn giao cho anh H lô đất này, do đó khẳng định bà T không có đất để chuyển nhượng cho anh H.

Bà Nguyễn Thị T không có mặt tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên bà T không có lời khai về việc chuyển nhượng lô đất tái định cư của anh C.

Từ sự phân tích trên, đủ cơ sở khẳng định việc lập và ký giấy tờ mua bán đất giữa anh Phạm Xuân H với bà Nguyễn Thị T là có thật, được thể hiện bằng giấy chuyển nhượng hai bên đã ký, nguyên đơn đã giao đủ số tiền 118.000.000đồng cho bị đơn, nhưng nguyên đơn không nhận được đất như đã cam kết với bị đơn là do bị đơn thực sự không có đất tái định cư để giao cho nguyên đơn. Do vậy yêu cầu đòi lại số tiền 118.000.000đồng mà anh H đã đưa cho bà T là phù hợp với quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí vụ án theo quy định của pháp luật.
Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256, 281, Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân H đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho anh Phạm Xuân H số tiền 118.000.000đ (Một trăm mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 5.900.000đồng (Năm triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Phạm Xuân H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0000126 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự 2008, sửa đổi bổ sung 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hạ Long;
- Chi cục THA dân sự TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 19 tháng 12 năm 2018
Tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Hạ Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Minh và bà Lê Thị Thanh Hương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý sự thụ lý số 78/2018/TLST-DS ngày 20/8/2018 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2018/QĐXX-ST ngày 13/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số **121**/2018/QĐ-HPT ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân H – sinh năm 1984

Trú tại: Xóm 17, thôn Đồng Sắt, xã Trục Hưng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; Hiện ở: Tổ 4, khu 7, phường Hà Tu, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đào Bá Yên – sinh năm 1966; Trú tại: Số nhà 32, phố Lê Lai, tổ 1, khu 2, phường Yết Kiêu, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1963

Trú tại: Tổ 7, khu 4, phường Hà Tu, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1/ Về điều luật áp dụng:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256, 281, 290 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2/ Các vấn đề cần giải quyết trong vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân H đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho anh Phạm Xuân H số tiền 118.000.000đ (Một trăm mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 5.900.000đồng (Năm triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Phạm Xuân H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0000126 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự 2008, sửa đổi bổ sung 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hôm nay, ngày 19 tháng 12 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân TP Hạ Long mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp về kiện đòi tài sản giữa

1- Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân H – sinh năm 1984

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1963

Thay mặt HĐXX, tôi tuyên bố khai mạc phiên toà, xin mời mọi người ngồi, tôi đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử .

- Bà thư ký báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên toà ngày hôm nay.

- Thay mặt HĐXX tôi kiểm tra căn cước lý lịch của những người được triệu tập đến phiên toà ngày hôm nay.

- Hỏi đại diện Nguyên đơn: Ông Yên tên đầy đủ là gì? Ông sinh năm bao nhiêu? Ông trú quán tại đâu ? ông được anh Phạm Xuân H ủy quyền tham gia tố tụng đúng không? Mời ông về chỗ.

Thay mặt HĐXX tôi phổ biến quyền và nghĩa vụ của những **người được triệu tập đến phiên toà ngày hôm nay.**

Người đại diện theo ủy quyền của đương sự cũng có quyền và nghĩa vụ như đương sự trong vụ án.

Điều 70. quy định Quyền, nghĩa vụ của đương sự

Khi tham gia tố tụng, đương sự có quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Tôn trọng Tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.
2. Nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.
4. Giữ nguyên, thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu theo quy định của Bộ luật này.
5. Cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

13. Tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.
14. Yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật này.
15. Tham gia phiên tòa, theo quy định của Bộ luật này.
16. Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc.
17. Đề nghị Tòa án đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng.
20. Tranh luận tại phiên tòa, đưa ra lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng.
21. Được cấp trích lục bản án, bản án, Quyết định của Tòa án.
22. Kháng cáo, khiếu nại bản án, theo quy định của Bộ luật này.
25. Sử dụng quyền của đương sự một cách thiện chí, không được lạm dụng để gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án, đương sự khác; trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu hậu quả do Bộ luật này quy định.
26. Quyền, nghĩa vụ khác mà pháp luật có quy định.

Tại Điều 71 BLTTDS quy định riêng Quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn

1. Các quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 của Bộ luật này.
2. Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện; rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.
3. Chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Nếu bị đơn đến thì phổ biến Điều 72. Quyền, nghĩa vụ của bị đơn

1. Các quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 của Bộ luật này.
2. Được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện.
3. Chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Ngoài ra theo Nghị quyết 03/ 2017 của HĐTP TAND TC quy định về việc công bố bản án trên công thông tin điện tử tòa án thì Hết thời hạn kháng cáo kháng nghị mà bản án này không bị kháng cáo, kháng nghị thì sẽ được Tòa án công bố trên công thông tin điện tử, những người tham gia tố tụng (nguyên đơn, bị đơn) có quyền yêu cầu Tòa án không công bố những nội dung liên quan đến bí mật các nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh (nếu có). Ông Yên có ý kiến gì không?

*Để đảm bảo quyền được đề nghị thay đổi những người tiến hành tố tụng, tôi giới thiệu những người tiến hành tố tụng ngày hôm nay: Tôi Nguyễn Thị Định- TP chủ tọa phiên tòa, người ngồi bên tay trái tôi bà **Lê Thị Thanh Hương**, bên phải tôi là ông **Đặng Quang Minh** làm HTND; người ngồi phía bên phải ngoài cùng bà Nguyễn Phương Huyền- Kiểm sát viên, người ngồi bên tay trái phía ngoài cùng bà Phùng Hương Giang - Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa.*

Ông Yên, có xin thay đổi ai không? Chị T (nếu đến) có xin thay đổi ai không?

Phần thủ tục phiên tòa đã làm xong, đại diện VKS có bổ sung gì thêm về phần thủ tục không?

Tôi tuyên bố kết thúc phần thủ tục, chuyển sang phần hỏi.

Đề cương xét hỏi:

1/Hỏi nguyên đơn: - Ông Yên có thay đổi, bổ sung, rút 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của anh H không?

Nếu bị đơn đến thì nói : Các đương sự có thỏa Tân được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không.

6/Hỏi Yên: ông trình bày cho HĐXX biết toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của anh H?

Hỏi Yên: Theo ông Yên thì anh H có biết nguồn gốc lô đất TĐC chị T bán là ở đâu không? Anh H đã bao giờ nhìn thấy lô đất TĐC đó chưa? Anh H có biết lô đất TĐC của chị T bán nằm ở đâu không? Chưa nhìn thấy sao lại đồng ý trả tiền mua? sao sau khi trả tiền lại không yêu cầu chị T giao đất? Tại sao anh H mua đất từ năm 2007 mà đến giờ mới khởi kiện? Ông còn đề nghị gì nữa không?

Công bố:

1/ Biên bản ghi lời khai ông Hải

2/ Biên Bản xác minh tại UBND phường Hà Trung

3/ Biên bản xác minh tại công ty than Núi Béo

4/ Biên bản làm việc với Phòng TN- MT Hạ Long>

5/ Biên bản họp thẩm định phương án xét tái định cư cho các hộ dân phường Hà Trung Tộc diện bồi thường GPMB để khai thác than của Công ty than Núi Béo do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tộc UBND thành phố Hạ Long lập ngày 19/11/2013

7/ Chủ tọa hỏi bị đơn: (Nếu bị đơn đến)

Chị có nghe rõ lời khai của đại diện nguyên đơn không? Khi ký giấy chuyển nhượng đất với anh C, thì anh C đã giao đất cho chị chưa? Đất đó có giấy tờ gì không? Chị đã bao giờ nhìn thấy lô đất này chưa? Khi bán đất cho anh H chị đã nhận bao nhiêu tiền của anh H? Chị đã giao đất cho anh H chưa?

8/ Các vị Hội thẩm có hỏi gì không: cho hỏi

9: Đại diện VKS có hỏi gì không:

10/ có ai hỏi hay trình bày gì thêm không?

Không ai trình bày gì thêm tôi kết thúc phần hỏi chuyển sang phần tranh luận

11*/ Phần tranh luận:

Đại diện Nguyên đơn có ý kiến gì tranh luận không?

Bị đơn (nếu đến) có ý kiến tranh luận gì không?

- nguyên đơn có đối đáp gì với phía bị đơn không;

- bị đơn có đối đáp gì với nguyên đơn không?

Có ai đối đáp gì nữa không?

e/- Không ai tranh luận đối đáp gì thêm Đề nghị đại diện kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến nay và đề nghị phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Tòa tuyên bố nghỉ nghị án, mời mọi người tạm nghỉ.

Tôi đọc bản án, mời mọi người trong phòng xử án ngồi, nguyên đơn, bị đơn đứng lên nghe tuyên án.

Bản án đã được tuyên xong, thay mặt HĐXX tôi tuyên bố kết thúc phiên tòa.
Mời mọi người nghỉ.